

Bản án số: **05**/2019/HS-ST
Ngày: 18/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Chuộng

2. Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 125/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Vũ Văn T, sinh năm 1961, Nơi cư trú: thôn VX, xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Vũ Văn H1 - Đã chết (**Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì do có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ**) và bà Vũ Thị C - Đã chết; có vợ Nguyễn Thị Thắng và có hai con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 01/10/2018 đến ngày 04/10/2018, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Trọng Th, sinh năm 1987, Nơi cư trú: thôn VX, xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng Th1, sinh năm 1955 và bà Cao Thị H1, sinh năm 1956; có vợ Nguyễn Thị P1 và có hai con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 01/10/2018 đến ngày 04/10/2018, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Vũ Văn N, sinh năm 1966, Nơi cư trú: thôn VX, xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N1; có vợ Nguyễn Thị Th2 và có ba con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 01/10/2018 đến ngày 04/10/2018, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Đình Q, sinh năm 1965, Nơi cư trú: thôn VX, xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Th3 - đã chết (Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất do có thành tích trong kháng chiến) và bà Nguyễn Thị N2 (đã chết); có vợ Vương Thị Th4, sinh năm 1963 và có hai con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 1985, tại bản án sơ thẩm số 38/1985/HS – ST ngày 25/7/1985 và bản án phúc thẩm số 58 ngày 10/8/1985 xử phạt bị cáo 36 tháng tù về tội cướp tài sản, 48 tháng tù về tội “Hiếp dâm”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

- Năm 2010, bị xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc. Đã chấp hành xong hình phạt năm 2010.

Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 01/10/2018 đến ngày 04/10/2018, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Ngô Văn H, sinh năm 1976, Nơi cư trú: thôn VX, xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn A, sinh năm 1950 (Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba do có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ) và bà Mai Thị Đ, sinh năm 1957; có vợ Nguyễn Thị H2 và có hai con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 2008, bị xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc. Đã chấp hành xong hình phạt năm 2008.

Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 01/10/2018 đến ngày 04/10/2018, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn M, sinh năm 1955, Nơi cư trú: thôn VX, xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ1 (đã chết) và Mạc Thị T2 (đã chết); có vợ Nguyễn Thị H3, sinh năm 1955 và có bốn con, con lớn nhất sinh năm 1975, con nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; (có anh trai là Nguyễn Văn C1 là liệt sĩ).

Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 01/10/2018 đến ngày 04/10/2018, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Đình P, sinh năm 1973, Nơi cư trú: thôn VX, xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Th5 (đã chết) và bà Vũ Thị U (đã chết); có vợ Phạm Thị L, sinh năm 1976 và có hai con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 01/10/2018 đến ngày 04/10/2018, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Lã Văn K, sinh năm 1963, Nơi cư trú: thôn VX, xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lã Văn H4 (đã chết) và bà Hoàng Thị N3 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Th6, sinh năm 1964 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1983, con nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 01/10/2018 đến ngày 04/10/2018, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

9. Cao Văn V, sinh năm 1975, Nơi cư trú: thôn VX, xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn B, sinh năm 1944 (được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất do có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ) và bà Trần Thị Th7, sinh năm 1946; có vợ Đinh Thị H5, sinh năm 1976 và có ba con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Năm 1994, bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong bản án năm 1994.

Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 01/10/2018 đến ngày 04/10/2018, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Đình M1, sinh năm 1967, Nơi cư trú: thôn VX, xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Đ2 (đã chết) và bà Ngô Thị P2 (đã chết); có vợ Ngô Thị S và có hai con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày từ ngày 01/10/2018 đến ngày 04/10/2018, sau đó được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Chị Ngô Thị S, sinh năm 1970, Nơi cư trú: thôn VX, xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 01/10/2018, Nguyễn Đình M1 đang ở nhà tại VX - TH - KM - Hải Dương thì lần lượt có Nguyễn Văn M, Vũ Văn T, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Đình P, Ngô Văn H, Nguyễn Trọng Th đều ở cùng thôn đến ngồi chơi uống nước ở cửa nhà M1. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, T, M, Q, P, H, Th cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Sau đó các đối tượng trên đi vào gian phòng khách nhà M1 ngồi xuống chiếu đã trải sẵn ở nền nhà ngồi đánh bạc (quá trình điều tra không xác định được ai trải chiếu) thì Q hỏi M1: “Bài đâu”, M1 đồng ý lấy bộ tứ lơ khơ gồm 52 quân bài có sẵn ở kệ ti vi đưa cho Q rồi ra ngoài sân ngồi canh giới cho các đối tượng trên đánh bạc. Khi đánh bạc T khai đã sử dụng 4.400.000 đồng, Q khai sử dụng 1.000.000 đồng, H sử dụng 330.000 đồng, Th sử dụng 1.650.000 đồng, P sử dụng 200.000 đồng, M sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc.

Hình thức đánh bạc là đánh liêng, khi chơi mỗi người phải bỏ ra 10.000 đồng để ở giữa chiếu bạc (tiền gà), người chơi sử dụng bộ bài Tứ lơ khơ loại 52 quân chia cho mỗi người 03 quân bài, các quân bài còn lại úp xuống. Sau đó những người chơi cầm 03 quân bài lên, nếu ai tố thì đặt thêm tiền vào giữa chiếu bạc từ 10.000 đồng đến 50.000 đồng, còn ai không theo tố thì úp bài xuống và mất 10.000 đồng đã đặt dưới chiếu bạc. Những người theo tố thì so sánh điểm

với nhau. Người có 03 quân bài trong bộ tứ quý gọi là sấp, 03 quân bài át (A) là sấp lớn nhất và lùi lại cho đến 03 quân bài 2 là sấp nhỏ nhất, nếu bài người nào có sấp lớn nhất thì thắng ván đó và được hết số tiền ở giữa chiếu bạc. Nếu ván bài không có sấp thì tính liêng, người nào có liêng gồm 03 quân bài Q, K, át là liêng lớn nhất và lùi lại cho đến 03 quân bài át, 2, 3 là liêng nhỏ nhất, người nào có liêng lớn nhất thì thắng ván đó và được hết số tiền ở giữa chiếu bạc. Nếu ván bài không có sấp, liêng thì tính ảnh, ảnh là người nào có 03 quân bài bất kỳ có hình người, quân bài K rô là ảnh lớn nhất và lùi lại cho đến quân bài J rô là ảnh nhỏ nhất và tính theo rô, cơ, bích, tép, người nào có ảnh lớn nhất thì thắng và được hết số tiền ở giữa chiếu bạc. Nếu ván bài không có sấp, liêng và ảnh thì tính điểm, quân bài át được tính là 1 điểm, quân bài 10, J, Q, K không tính điểm, quân bài 9 được tính 9 điểm và lùi lại cho đến quân bài át, bài của ai có số điểm cao nhất là người thắng hoặc có số điểm bằng nhau thì so sánh ai có quân bài cao theo rô, cơ, bích, tép là người thắng ván đó và được hết số tiền ở giữa chiếu bạc và là người được chia bài ván sau. Nếu bài của ai lên bài được sấp hoặc liêng đồng hoa thì nộp cho chủ nhà từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng.

Đến khoảng 21 giờ 45 phút cùng ngày Lã Văn K đến xem các đối tượng trên đánh bạc một lúc thì vay của M1 200.000 đồng tham gia đánh bạc cùng. Sau đó có Vũ Văn N, Cao Văn V đến tham gia đánh bạc, khi đánh bạc N có khoảng 1.600.000 đồng, V có 200.000 đồng. Quá trình đánh bạc T và H thu 90.000 đồng của các đối tượng (tiền điện, nước) đưa cho M1. Các đối tượng trên đánh bạc đến 23 giờ 15 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện Kinh Môn phối hợp với Công an xã TH kịp thời phát hiện bắt quả tang, vật chứng thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ tứ lơ khơ gồm 52 quân bài, 01 chiếu cói và 2.880.000 đồng; thu giữ trên người các đối tượng được tổng số tiền là 20.475.000 đồng (trong đó của T 4.450.000 đồng, N 1.570.000 đồng, P 3.950.000 đồng, Q 5.790.000 đồng, M 2.570.000 đồng, H 250.000 đồng, V 220.000 đồng, Th 1.675.000 đồng). Q lý của T 01 điện thoại Nokia màu đen, Q 01 điện thoại Iphon 5S màu trắng, M 01 ví giả da màu đen và 01 điện thoại Nokia X1 màu đen, H 01 điện thoại sam sung màu trắng. Quản lý của Nguyễn Đình M1 90.000 đồng (Do M1 tự nguyện giao nộp) .

Quá trình điều tra, Vũ Văn T, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình P, Ngô Văn H, Nguyễn Trọng Th, Lã Văn K, Vũ Văn N, Cao Văn V và Nguyễn Đình M1 đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 124/CT - VKSKM ngày 15/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, truy tố Vũ Văn T, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Trọng Th, Vũ Văn N, Cao Văn V, Ngô Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình P, Lã Văn K và Nguyễn Đình M1 về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

- Bị cáo M đề nghị, bị cáo đã trên 60 tuổi, kinh tế khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo.

- Đại diện VKSND huyện Kinh Môn giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Trọng Th, Vũ Văn N, Cao Văn V, Ngô Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình P, Lã Văn K, Nguyễn Đình M1 phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

- Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của BLHS đối với các bị cáo T, Q, Th, N, V, H, M, P, K, M1; áp dụng: điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS đối với các bị cáo T, Th, N, M, P, K, M1; áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo T, H, Q, V, M; áp dụng khoản 1, 2, 5 Điều 65 của BLHS đối với các bị cáo T, Q, N, Th, V; áp dụng khoản 1, 2, 3 Điều 36 của BLHS đối với các bị cáo H, M, P, M1, K.

Xử phạt các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đình Q, Vũ Văn N, mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Trọng Th, Cao Văn V mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đình Q, Vũ Văn N, Nguyễn Trọng Th, Cao Văn V cho UBND TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt các bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình P mỗi bị cáo từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ sau quy đổi là 09 ngày cải tạo không giam giữ, mỗi bị cáo còn phải chấp hành từ 17 tháng 21 ngày đến 20 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục ngời bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Đình M1, Lã Văn K mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 03 ngày tạm giữ sau quy đổi là 09 ngày

cải tạo không giam giữ, mỗi bị cáo còn phải chấp hành từ 14 tháng 21 ngày đến 17 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục ngời bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước.

Giao các bị cáo H, P, M, M1, K cho UBND xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 3 Điều 321 của BLHS:

+ Phạt tiền đối với các bị cáo T, Th, M1 mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 11.845.000 đồng;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M 2.200.000đồng

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình Q 5.500.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình P 3.900.000đồng, song cần tiếp tục quản lý của các bị cáo số tiền này để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

+ Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ gồm 52 quân và 01 chiếu cói (có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Kinh Môn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn lập ngày 23/11/2018).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí, NQ số 326 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí đề nghị HĐXX buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Riêng đối với bị cáo M khi phạm tội đã trên 60 tuổi nên bị cáo không phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Kinh Môn; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 21 giờ 00 phút đến 23 giờ 15 phút, ngày 01/10/2018, tại gia đình Nguyễn Đình M1, ở thôn VX, xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương: Vũ Văn T, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình P, Ngô Văn H, Nguyễn Trọng Th, Lã Văn K, Vũ Văn N, Cao Văn V đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Đến khoảng 23 giờ 15 phút, cùng ngày khi các đối tượng đang đánh bạc được thua bằng tiền, thì bị Tổ công tác công an huyện Kinh Môn phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 2.880.000 đồng, thu giữ số tiền trên người của các bị cáo sử dụng để đánh bạc gồm: thu của bị cáo T 4.450.000 đồng, của Th 1.675.000 đồng, của N 1.570.000 đồng, của Q 290.000 đồng, của H số tiền 250.000 đồng, của M 370.000 đồng, của P 50.000 đồng, V 220.000 đồng; quản lý của M1 90.000 đồng (tiền thu lợi từ việc cho các đối tượng mượn địa điểm để đánh bạc). Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc và thu lợi từ việc đánh bạc là 11.845.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội đánh bạc, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Đình M1 có hành vi cho các con bạc khác sử dụng nhà của mình làm địa điểm để đánh bạc để thu lợi từ việc đánh bạc, cho bị cáo K mượn tiền để sử dụng vào việc đánh bạc. Hành vi của bị cáo đã giúp sức cho các con bạc thực hiện hành vi đánh bạc nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” với vai trò đồng phạm. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Đây là vụ án đồng phạm, tính chất, mức độ về hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án mang tính tự phát, bản thân các bị cáo đều xuất thân từ thành phần lao động, song do ham chơi muốn có tiền từ việc đánh bạc nên đã đi vào con đường phạm tội. Trong vụ án này bị cáo T là người sử dụng 4.450.000 đồng nhiều nhất trong số các bị cáo để đánh bạc, bản thân bị cáo còn là người trực tiếp thu tiền của người chơi để đưa cho chủ nhà nên vai trò của bị cáo trong vụ án cao hơn so với các bị cáo khác. Đối với bị cáo Q khi biết mọi người có ý định đánh bạc, bị cáo đã chủ động hỏi bị cáo M1 công cụ để đánh bạc, ngoài hành vi đánh bạc cùng với các con bạc khác, bị cáo còn giúp sức cho bị cáo K vay tiền để đánh bạc nên vai trò của bị cáo sau bị cáo T và cao hơn các bị cáo còn lại.

Đối với bị cáo Th, N, trong đó bị cáo Th sử dụng số tiền 1.650.000 đồng để đánh bạc nhiều thứ 2 trong số các bị cáo khác, vai trò của bị cáo đứng sau bị cáo Q. Bị cáo N sử dụng số tiền khoảng 1.600.000 đồng để đánh bạc nhiều thứ 3 trong số các bị cáo nên vai trò đứng sau bị cáo Th.

Đối với các bị cáo H, P, M, K, V đều đánh bạc với số tiền không lớn, trong đó bị cáo H, P, M là những người tham gia đánh bạc từ đầu, bị cáo K, V đến và vào tham gia đánh bạc sau cùng, thời gian đánh bạc không nhiều. Tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo ít nghiêm trọng, tuy nhiên đối với bị cáo V bản thân bị cáo đã từng bị kết án về tội trộm cắp tài sản, đây là những tình tiết cần được xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo M1 là người không trực tiếp tham gia đánh bạc, song bị cáo là chủ nhà trực tiếp sử dụng nhà thuộc quyền sở hữu, quản lý của mình làm địa điểm để đánh bạc và thu lợi từ việc đánh bạc, bản thân bị cáo còn là người giúp sức cho bị cáo K vay tiền khi đánh bạc.

[4]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thấy được sai phạm của mình và thành khẩn khai báo nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo T, Th, M, P, M1, N và K đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Vũ Văn **T** có bố đẻ được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Bị cáo Nguyễn Đình **Q** có bố đẻ được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; Bị cáo Ngô Văn **H** có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; Bị cáo Nguyễn Văn **M** có anh ruột là liệt sĩ; Bị cáo Cao Văn **V** có bố đẻ được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất nên các bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy các bị cáo đánh bạc đều mang tính tự phát, số tiền sử dụng đánh bạc là không nhiều; tính chất, mức độ thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Về nhân thân: Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Đình Q đã từng bị kết án vào năm 1985, bị cáo Cao Văn V bị kết án vào năm 1994; bị cáo H đã từng bị xử lý vi phạm hành chính năm 2008. Tuy nhiên, các bị cáo đều chấp hành xong toàn bộ bản án, cũng như tiền phạt theo quyết định hành chính từ nhiều năm nay và được coi là

không có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Do vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú quản lý, cải tạo cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] *Hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án, xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo T, Th là những người có số tiền sử dụng đánh bạc nhiều trong vụ án, bị cáo M1 cho các con bạc mượn địa điểm để đánh bạc với mục đích thu lợi. Đối với các bị cáo có hình phạt cải tạo không giam giữ đã bị khấu trừ thu nhập và các bị cáo còn lại có số tiền sử dụng để đánh bạc không nhiều nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] *Xử lý vật chứng*:

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 11.845.000đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Ngoài số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc, cơ quan cảnh sát điều tra còn quản lý: bị cáo Q 5.500.000 đồng; bị cáo M 2.200.000đồng; bị cáo P 3.900.000đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền này các bị cáo không sử dụng với mục đích để đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với 01 chiếc cối là tài sản của gia đình bị cáo T xác định không có giá trị sử dụng, chị Ngô Thị S là vợ bị cáo T, không có yêu cầu đề nghị gì về những tài sản này và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Xác định các tài sản thu giữ trên không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại Nokia màu đen thu giữ của bị cáo T; 01 điện thoại Iphon 5S màu trắng thu giữ của bị cáo Q; 01 ví giả da màu đen và 01 điện thoại Nokia X1 màu đen thu giữ của bị cáo M; 01 điện thoại sam sung màu trắng thu giữ của bị cáo H. Các tài sản này thu giữ của các bị cáo khi bắt người phạm tội quả tang. Quá trình điều tra xác định điện thoại và 01 chiếc ví không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Kinh Môn đã trả lại cho các bị cáo quản lý, sử dụng nên không đặt ra xem xét, và xử lý trong vụ án.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Văn M, tính đến ngày vi phạm bị cáo đã hơn 60 tuổi là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi và tại phiên tòa, bị cáo có đề nghị được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo M theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn T, Vũ Văn N, Nguyễn Trọng Th, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình P, Lã Văn K, và Nguyễn Đình M1.

Khoản 1 Điều 321; Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Đình Q, Ngô Văn H, Cao Văn V.

- **Căn cứ:** khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đình Q, Ngô Văn H, Nguyễn Văn M, Cao Văn V.

- **Căn cứ:** khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đình M1, Nguyễn Trọng Th.

- **Căn cứ:** khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 62 Luật thi hành án hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đình Q, Vũ Văn N, Nguyễn Trọng Th, Cao Văn V.

- **Căn cứ:** Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình P, Lã Văn K, và Nguyễn Đình M1.

- **Căn cứ:** Điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- **Căn cứ:** điểm đ Điều 12, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật người cao tuổi 2009.

- **Tuyên bố:** Các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đình Q, Vũ Văn N, Nguyễn Trọng Th, Cao Văn V, Ngô Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình P, Lã Văn K và Nguyễn Đình M1 đều phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt:

1. Bị cáo Vũ Văn T 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Bị cáo Nguyễn Đình Q 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Bị cáo Vũ Văn N 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Bị cáo Nguyễn Trọng Th 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Bị cáo Cao Văn V 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đình Q, Vũ Văn N, Nguyễn Trọng Th và Cao Văn V cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Bị cáo Ngô Văn H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 tháng 21 ngày.

7. Bị cáo Nguyễn Văn M 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 tháng 21 ngày.

8. Bị cáo Nguyễn Đình P 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 17 tháng 21 ngày.

9. Bị cáo Lã Văn K 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 14 tháng 21 ngày.

10. Bị cáo Nguyễn Đình M1 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian đã tạm giữ sau khi quy đổi là 09 ngày, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 14 tháng 21 ngày.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình P, Lã Văn K, Nguyễn Đình M1 tính

từ ngày cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương nơi các bị cáo trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ 10% thu nhập của các bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ trong thời gian chấp hành hình phạt sung quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Đình P, , Lã Văn K và Nguyễn Đình M1 cho Ủy ban nhân dân xã TH, huyện KM, tỉnh Hải Dương **giám sát, giáo dục** trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Hình phạt bổ sung:

Phạt các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đình M1, Nguyễn Trọng Th mỗi bị cáo 10.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

- Xử lý vật chứng:

+ Tịch thu cho tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ (loại 52 quân); 01 chiếu cói.

+ Tịch thu số tiền 11.845.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc để nộp vào ngân sách nhà nước.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn M 2.200.000 đồng

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình Q 5.500.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình P 3.900.000 đồng, song cần tiếp tục quản lý của các bị cáo số tiền này để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

(Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/11/2018 giữa Công an huyện Kinh Môn và Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn)

- Án phí: Các bị cáo Vũ Văn T, Nguyễn Đình Q, Vũ Văn N, Nguyễn Trọng Th, Cao Văn V, Ngô Văn H, Nguyễn Đình P, Lã Văn K và Nguyễn Đình M1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm; có mặt các bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi liên quan. Đã báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. **Đối với người có quyền lợi liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Kim Chi – CA tỉnh HD;
- VKS nhân dân huyện Kinh Môn;
- Công an huyện Kinh Môn;
- Chi cục thi hành án huyện Kinh Môn;
- UBND xã TH;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh